TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM ĐÔNG** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 19/2023/QĐST - HNGĐ	*Nam Đông, ngày 19 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÔNG, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 18/2023/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Cao Văn T, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn K, xã HP, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bà Phạm Thị D, sinh năm 1981. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã HP, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chỗ ở hiện nay: Thôn 05, xã NT, huyện BĐ, tỉnh Bình Phước.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của cháu Cao Văn Q, sinh ngày 05/7/2011: Ông Dương Tiến Dũng, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Cao Văn T và bà Phạm Thị D sau thời gian tìm hiểu khoảng hai năm thì tổ chức lễ hỏi, cưới theo phong tục địa phương; sau đó về chung sống với nhau và tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Tâm, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước vào ngày 18/02/2005 trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa ông Cao Văn T và bà Phạm Thị D là hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng sống với nhau hạnh phúc và sinh được 04 người con chung. Tuy nhiên, sau một thời gian sinh sống hạnh phúc thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tình, lối sống; không thống nhất trong việc quản lý kinh tế tài chính gia đình, không thống nhất nơi sinh sống dẫn đến xúc phạm nhau; vợ chồng sống ly thân đã lâu, không ai còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình nghĩa vợ chồng không còn nên ông Cao Văn T và bà Phạm Thị D thuận tình ly hôn là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và trái đạo đức xã hội. Vì vậy, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình để công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Cao Văn T và bà Phạm Thị D.

2. Về con chung: Ông Cao Văn T và bà Phạm Thị D có 04 người con chung tên Cao Văn Đ, sinh ngày 19/11/1999; Cao Văn C, sinh ngày 21/12/2001; Cao Văn M, sinh ngày 17/10/2003 và Cao Văn Q, sinh ngày 05/7/2011.

Hiện nay 03 người con chung tên Cao Văn Đ, Cao Văn C và Cao Văn M đã trưởng thành, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên Ông Cao Văn T và bà Phạm Thị D không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với người con chung tên Cao Văn Q chưa trưởng thành và hiện đang sống với ông Cao Văn T nên ông Cao Văn T và bà Phạm Thị D thỏa thuận: Giao người con chung tên Cao Văn Q cho ông Cao Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi); bà Phạm Thị D không phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi người con chung tên Cao Văn Q.

Sau khi ly hôn, bà Phạm Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung Cao Văn Q mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Ông Cao Văn T và bà Phạm Thị D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về các vấn đề khác: Nghĩa vụ về tài sản chung thì ông Cao Văn T và bà Phạm Thị D trình bày không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Cao Văn T và bà Phạm Thị D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao người con chung tên Cao Văn Q, sinh ngày 05/7/2011 cho ông Cao Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Bà Phạm Thị D không phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung Cao Văn Q.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung: Ông Cao Văn T và bà Phạm Thị D không ai yêu cầu nên Toà án không giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Cao Văn T và bà Phạm Thị D thỏa thuận: Ông Cao Văn T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền lệ phí giải quyết việc dân sự, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002662 ngày 28/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông Cao Văn T đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Nam Đông;
- Chi cục THADS huyện Nam Đông;
- UBND xã Đồng Tâm, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước (Đăng ký kết hôn ngày 18/02/2005)
- Đương sự;
- Trợ giúp viên pháp lý;
- Lưu hồ sơ việc dân sự, án văn.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hồ Minh Thược